

Công Ty Cổ Phần Sivico

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Sivico
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:0200456505, CN=Công Ty Cổ
Phần Sivico, S=Hải Phòng, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2023-04-04 15:53:01
Foxit Reader Version: 9.7.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

CÔNG TY CỔ PHẦN **SIVICO**

Địa chỉ: Lô CN2-03 - Khu CN Nam Đình Vũ - Phường Đông Hải 2
- Quận Hải An - TP. Hải Phòng - Việt Nam

Điện thoại: +84 225 3742778 Fax: +84 225 3742779

Website: <https://www.sivico.com.vn/>



CÔNG TY CỔ PHẦN **SIVICO**

Mục Lục	4
Phần mở đầu	8
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	9
Một số chỉ tiêu chính	13
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	12
Thông tin chung	13
Thông tin khái quát	15
Quá trình hình thành và phát triển	
<i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	
Ngành nghề kinh doanh chính	17
Địa bàn kinh doanh	18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	19
Giới thiệu Ban Lãnh Đạo	25
Vị thế	31
Định hướng phát triển	33
Rủi ro	35
Tình hình hoạt động trong năm	37
Tình hình hoạt động SXKD	39
Tổ chức và nhân sự	43
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	47
Tình hình tài chính	49
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	53
Báo cáo của Ban Giám Đốc	55
Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh	57
Tình hình tài chính	60
Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý	62
Phương hướng phát triển	62
Báo cáo của HĐQT	63
Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty	65
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc	66
Kế hoạch định hướng của HĐQT	67
Quản trị công ty	69
Hội đồng quản trị	71
Ban kiểm soát	73
Giáo dục và thù lao	74
Báo cáo tài chính	75

PHẦN MỞ ĐẦU





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



**Kính thưa Quý cổ đông,
Khách hàng, Đối tác và
toàn thể cán bộ công
nhân viên !**

Năm 2022 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 và chiến tranh giữa Nga với Ucraina.

Do hội nhập kinh tế sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam không tránh khỏi những ảnh hưởng nặng nề. Tuy nhiên, Việt Nam đã cho thấy khả năng chống chịu đáng kể đối với những biến động tiêu cực.

Với tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh vào những tháng đầu năm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh Hội đồng Quản trị đã có những quyết sách phù hợp với diễn biến thực tế cùng Ban Giám đốc khắc phục những ảnh hưởng bất lợi, phát huy những ảnh hưởng có lợi để SIVICO vẫn tiếp tục giữ vững vai trò là công ty top đầu trong ngành tại Việt Nam.

Kết quả và những nền tảng mà SIVICO đã đạt được trong những năm trước đó là bệ phóng vững chắc cho Công ty. Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực cho mảng kinh doanh cốt lõi- sản xuất sơn, khẳng định vị thế của mình, không ngừng đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, Công ty sẽ vượt qua được bất kỳ khó khăn, thách thức nào, để ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành!



Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Văn Viện



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	314,758	305,117	-3%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	204,504	204,191	-1%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	175,267	209,323	19%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	19,805	13,035	-34%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	32,975	13,040	-60%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29,249	12,088	-58%

THÔNG TIN CHUNG





THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức	CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
Tên viết tắt	SJS.,CO
Vốn điều lệ	30.123.740.000 đồng
Trụ sở chính	Lô CN2-03 KCN Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại	+842253742778
Fax	+842253742779
Email	sivicohp@gmail.com
Website	www.sivico.com.vn
Mã số doanh nghiệp	0200456505
Mã cổ phiếu	SIV
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng

Logo



Tầm nhìn:

Xây dựng SIVICO trở thành nhà sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang hàng đầu khu vực Đông Nam Á đồng thời là nhà cung cấp đáng tin cậy trong lĩnh vực bao bì ghép màng mỏng phức hợp trong và ngoài nước bằng chiến lược phát triển bền vững nhằm gia tăng sự thịnh vượng cho khách hàng, cán bộ công nhân viên.

Sứ mệnh:

Mang đến các sản phẩm cùng với dịch vụ, chất lượng tốt nhất cho khách hàng. Phát triển Công ty theo hướng bền vững, hài hòa với môi trường.

Giá trị cốt lõi:

- Hợp tác
- Cùng phát triển
- Sáng tạo
- Lợi ích chung
- Chuyên nghiệp





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1999

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng đã nghiên cứu tình hình thực tế trên thế giới và trong nước. Công ty quyết định triển khai dự án “Sản xuất thử nghiệm sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang” nhằm đón trước, phục vụ cho các công trình trọng điểm quốc gia

Ngày 28 tháng 03 năm 2002

Sau thành công của dự án, ban lãnh đạo Công ty Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng nhận thấy cần phải phát triển sản phẩm này với quy mô lớn hơn nữa để nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường loại sản phẩm còn rất mới mẻ tại Việt Nam. Công ty đã quyết định tách riêng dòng sản phẩm này, kêu gọi vốn đầu tư từ các cổ đông hợp tác thành lập một doanh nghiệp chuyên sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang. Vì vậy, Công ty Cổ phần SIVICO chính thức được thành lập tại Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm và là đơn vị sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang đầu tiên tại Việt Nam. Hợp đồng chuyển giao công nghệ số 005.DPI được Bộ Khoa học công nghệ và môi trường cấp “ Giấy chứng nhận đăng ký” số 1171/GCNBKHCNMT ngày 07 tháng 05 năm 2002 chuyển giao công nghệ từ hãng DPI Malaysia với công suất cả hai giai đoạn là 6000 tấn/năm cùng với những sản phẩm có liên quan. Khi đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất nhiệt dẻo phản quang với công suất giai đoạn 1 là 3000 tấn/năm

Tháng 07 năm 2002

Nhận thấy những triển vọng trong ngành công nghiệp bao bì, để đáp ứng nhu cầu và thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng Công ty Cổ phần SIVICO đã mạnh dạn đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất bao bì màng phức hợp cao cấp với công suất 6,5 triệu túi/ tháng.

Tháng 11 năm 2003

Khi phân xưởng sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang đã hoạt động có hiệu quả và tạo được lòng tin đối với khách hàng. Công ty quyết định đầu tư hơn 5 tỷ VNĐ để xây dựng thêm phân xưởng sản xuất bao bì màng mỏng với dây chuyền đồng bộ, hiện đại. Khi phân xưởng đi vào hoạt động đã tạo thêm cho hàng chục lao động có việc làm ổn định.

Năm 2004

Tháng 2 năm 2014 tiếp bước những hiệu quả đạt được trong giai đoạn I, giai đoạn II Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng thêm dây chuyền thứ hai nâng công suất lên 6000 tấn/năm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ra nước ngoài, Công ty Cổ phần SIVICO đã xây dựng Nhà máy mới tại KCN Trảng Duệ, xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Tháng 9 năm 2004, để hạn chế mua bán thành phẩm bên ngoài Công ty đã đầu tư lắp đặt một dây chuyền máy thổi màng PE công suất 90kg/h. Dây chuyền này vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng nội bộ vừa có thể bán sản phẩm cho khách hàng khi họ có nhu cầu. Trong năm 2004, Công ty đã thành công trong việc xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Tháng 4 năm 2004 Công ty được tổ chức chứng nhận BVQI (nay là Breau Veritas) cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và sau đó được đánh giá cấp lại vào tháng 5 năm 2007.

Tháng 3 năm 2006

Nhằm mục đích mở rộng sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ nhu cầu sử dụng của khách hàng đối với bao bì nhựa cứng cho chất tẩy rửa, hóa chất, hóa mỹ phẩm ngày càng tăng. Công ty đã đầu tư dây chuyền thổi chai và ép phun hiện đại của Thái Lan trị giá hơn 2 tỷ VNĐ với sản lượng trên 500.000 chai/tháng.

Tháng 11 năm 2007

Với quyết định đầu tư thêm một dây chuyền in bao bì hiện đại cho ra những sản phẩm được khách hàng đánh giá là có chất lượng tốt đã mở ra nhiều hướng đi mới cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng. Dây chuyền này có tốc độ 150m/phút, kiểm soát chống hình tự động, hoạt động ổn định.

Năm 2009

Công ty Cổ phần SIVICO lựa chọn áp dụng mô hình Quản lý Chất lượng toàn diện (TQM) với mục tiêu

nâng cao trách nhiệm của mỗi người, mỗi bộ phận trong Công ty, đồng thời thúc đẩy hoạt động nỗ lực chung của mọi người. Chính sách chất lượng phải hướng tới khách hàng tức là cải tiến chất lượng sản phẩm và thỏa mãn khách hàng ở mức cho phép, không ngừng cải tiến, hoàn thiện chất lượng. Vì vậy, Công ty Cổ phần SIVICO từng bước tự khẳng định vị trí của Công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam

Tháng 4- 2015

Nhà máy mở rộng sản xuất kinh doanh tại KCN Trảng Duệ với quy mô gần 7000m2 đánh dấu bước phát triển mới của Công ty.

Ngày 23-05-2017

Là phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SIV.

Tháng 4- 2019

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất lần thứ 3 về KCN Nam Đình Vũ với diện tích 21,000m2. Triển khai xây dựng từ tháng 7.2020, chạy thử Quý IV.2021 và đi vào hoạt động chính thức tháng 1.2022.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Sản xuất, kinh doanh sơn giao thông dẻo phản quang

Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu hoá chất



Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, vật tư nguyên liệu, thiết bị ngành bao bì và in ấn



Trụ sở chính của Công ty: Lô D1 khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa bàn kinh doanh chủ yếu ở Việt nam, tại Ba miền Bắc – Trung – Nam

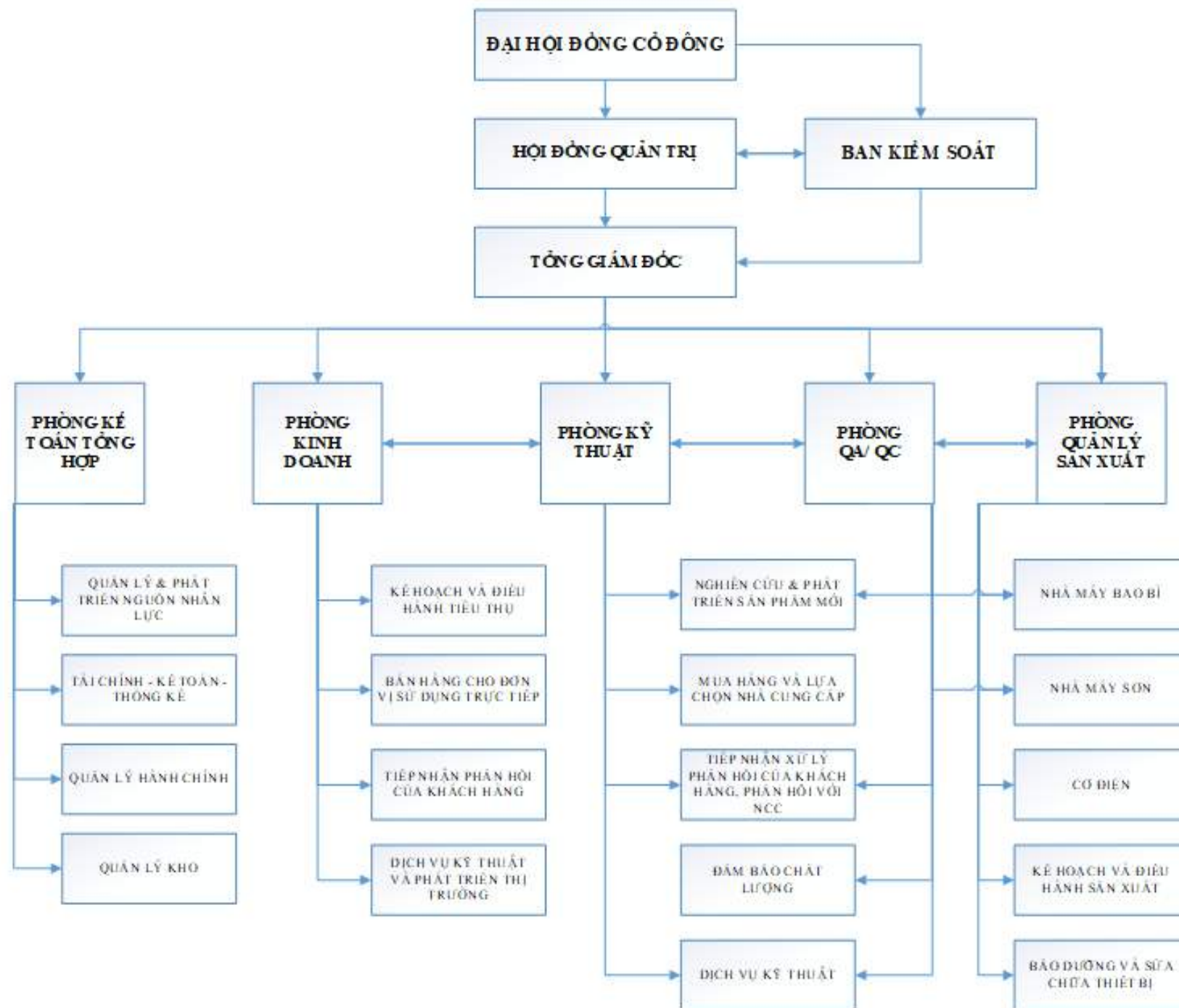




MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



TÊN BỘ PHẬN

MÔ TẢ CHỨC NĂNG

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát có 03 thành viên

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

TÊN PHÒNG NGHIỆP VỤ	CHỨC NĂNG	NHIỆM VỤ
Phòng kế toán-tổng hợp	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán kế toán và quản lý cổ phần	Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty
		Tham mưu xây dựng các quy chế, quy định, chế độ quản lý tài chính của Công ty Huy động và điều hòa sử dụng vốn trong toàn công ty, phục vụ hoạt động SXKD đạt hiệu quả cao Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, về lĩnh vực hành chính nhân sự Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công
Phân xưởng sản xuất	Thực hiện sản xuất theo lệnh sản xuất	Kiểm soát quá trình sản xuất để đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu quy định, đúng yêu cầu công nghệ và tiết kiệm tiêu hao theo định mức
		Quản lý và sử dụng lao động hợp lý, đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao kể cả đột xuất hoặc dự phòng. Quản lý và sử dụng các tài sản được giao. Bảo đảm an toàn về con người, máy móc thiết bị
		Phối hợp với các phòng ban để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất
		Phát hiện, đề xuất và thực hiện xử lý các sản phẩm không phù hợp khi đã có kết luận, tham gia các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến Tự đào tạo hoặc thực hiện các chương trình đào tạo của công ty cho công nhân nâng cao tay nghề

Phòng Kỹ thuật, QA-QC	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác Quản lý kỹ thuật và công tác đảm bảo an toàn trong sản xuất; chế thử các sản phẩm mới	Lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện sản xuất theo định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty
		Trực tiếp hoặc phối hợp với các xưởng sản xuất về quản lý kỹ thuật, tiến độ, chất lượng đối với các sản phẩm của công ty Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực kỹ thuật giám sát theo sự phân cấp, ủy quyền của Tổng Giám đốc.
Phòng kinh doanh	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh, thị trường	Lập kế hoạch, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện thị trường, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất
		Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến giao hàng và theo dõi công nợ khách hàng



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Số 12 Lạch Tray – P. Lạch Tray – Q. Ngô Quyền – Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường	80.071.770.000	6,7%
2	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn VICO	Số 94, đường 208, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh		6,2%





GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

GIỚI THIỆU HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẪM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch HĐQT	201.562	6,69%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	150.000	4,98%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	276,562	9,18%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	198.750	6,60%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	198,750	6,6%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	79.875	2,65%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	93.750	3,11%

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 5/12/1944
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
Quá trình công tác:
 -Từ 8/1964 đến 5/1982: Giáo viên Trường cơ điện Hải Phòng
 -Từ 6/1982 đến 3/1989: Phó phòng Tổ chức lao động Sở Công nghiệp Hải Phòng
 -Từ 4/1989 đến 12/2002: Giám đốc Công ty Sơn Hải Phòng nay là Công ty CP Sơn Hải Phòng.
 -01/2003: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ hiện tại:
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vico
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Nguyễn Mộng Lân - Phó chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 09/01/1949
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quá trình và thiết bị công nghiệp hóa chất
Quá trình công tác:
 -Từ 1993 đến 1995: Phó phòng thiết kế tại Viện Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 -Từ 1994 đến 1995: Tổng Giám đốc của Daso Chi nhánh Hải Phòng
 -Từ 1995 đến 1997: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Liên doanh Hóa chất Soft
 -Từ 1998 đến 2009: Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH VICO

Chức vụ hiện tại:
 -Tổng Giám đốc Công ty TNHH VICO
 -Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Ông Hòa Quang Thiệp - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 14/03/1970
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
 -Từ 9/1997 đến 03/2002: Nhân viên kế toán Công ty Gia công thép VINANIC
 -Từ 4/2002 đến 2009: Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SIVICO kiêm Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Thủy Nguyên - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 29/03/1958
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa máy
Quá trình công tác:
 -Từ 1992 đến 2000: Làm việc tại Công ty LHXD Vạn Cường
 -Từ 2001 đến 27/03/2002: Chủ tịch HĐQT Công ty LHXD Vạn Cường

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty LHXD Vạn Cường



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Bà Phạm Thị Hương Lan - Thành Viên HĐQT

Năm sinh: 04/01/1960

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác:

-Từ 1980 đến 2001: Làm việc tại Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

-Từ 01/2002 đến 27/03/2002: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần bao bì VLC

Chức vụ hiện tại:

-Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 8/9/1972

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

-Từ 8/1994 đến 11/1996: Công ty Sơn Hải Phòng
-Từ 12/1996 đến 12/2002: Trưởng chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh

-Từ 01/2003 đến 9/2005: Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh

-Từ 10/2005 đến 12/2006: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

-Từ 01/2007 đến 02/2015: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam

Chức vụ hiện tại:

-Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

-Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam

-Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần BĐS Sơn và hóa chất Á Châu

Ông Trần Bình Ân - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 14/9/1962

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa học

Quá trình công tác:

-Từ 1987 đến 1990: Kỹ sư Nhà máy Cơ khí Duyên hải-Hải Phòng

-Từ 1990-2000: Cán bộ Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Hải Phòng

-Từ 2001 đến 2003: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thị Trường VN

-Từ 2004 đến 03/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thị Trường Hóa Chất

Chức vụ hiện tại:

-Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẤM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	3.750	0,12%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	154.125	5%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	7.500	0,25%

Bà Bùi Kim Ngọc - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 16/12/1968

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kế toán tổng hợp

Quá trình công tác:

-Từ 10/1989 đến 09/1999: Nhân viên phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
-Từ 10/1999 đến 02/2005: Phó phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
-Từ 03/2005 đến 10/2008: Trưởng phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chức vụ hiện tại:

-Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty Cổ phần SIVICO
-Kế toán trưởng kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Đinh Văn Ước - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 25/10/1958

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thợ bậc 6 Điện

Quá trình công tác:

-Từ 01/1997 đến 12/1984: Công nhân mỏ than Vàng Danh
-Từ 01/1985 đến 12/1985: Công nhân Công ty vật tư thủy lợi
-Từ 01/1986 đến 12/1991: Công nhân xí nghiệp Mạ Điện
-Từ 01/1992 đến 27/03/2002: PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
-Từ 28/03/2002 đến 12/2007: PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:

-Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần SIVICO
-Phó quản đốc PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Hoàng Văn Hùng - Thành viên BKS

Năm sinh: 10/03/1981

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

-Từ 9/2003 đến 01/2004: Công ty Bao bì Thiên Hà
-Từ 03/2004 đến 03/2015: Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:

-Giám đốc Kinh doanh, Trưởng phòng kinh doanh, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần SIVICO

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẤM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Hòa Quang Thiệp	Tổng Giám Đốc	276,562	9.18%
2	Bà Dương Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	2.835	0.09%

Bà Dương Thị Thanh Thủy - Kế toán trưởng

Năm sinh: 17/11/1980

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán-Kiểm toán

Quá trình công tác:

-Từ 12/2003 đến 2/2007: Nhân viên văn phòng-Phòng sản xuất Công ty TNHH RORZE ROBO-TECH
-Từ 8/2009 đến 2/2010: Nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:

-Giám đốc Tài chính, Trưởng phòng Kế toán tổng hợp-Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SIVICO



VỊ THẾ CÔNG TY

SWOT

Điểm mạnh:

Là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang

Với lợi thế là nhà sản xuất nhiều kinh nghiệm, Công ty Cổ phần SIVICO hoàn toàn có thể đảm nhận phần thi công trọn gói đảm bảo chất lượng vạch Sơn tốt nhất, tiến độ nhanh nhất.

Địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước

Công ty có một đội ngũ CBCNV gần 90 người, với độ tuổi lao động bình quân còn rất trẻ, các cán bộ quản lý, kỹ thuật, nhân viên đều có trình độ Đại học chuyên ngành hoá học, điện, điện tử, tự động hoá, cơ khí chế tạo, kinh tế tài chính v.v...và công nhân lành nghề.

Bộ máy quản lý tinh giản, không phức tạp, công kênh, dựa trên nền tảng “tin cậy, đoàn kết, sáng tạo, liên tục bổ sung nâng cấp trình độ chuyên môn” đã giúp công ty phát huy được tối đa hiệu quả các nguồn lực.

Thế mạnh sẵn có về máy móc, thiết bị hiện đại công nghệ tiên tiến được chuyển giao từ tập đoàn DPI - Malaysia, cộng với tính cần cù, sức sáng tạo và kinh nghiệm của CBCNV công ty đã đem lại sự vượt trội về lợi thế so với các nhà sản xuất cạnh tranh.

Chất lượng sản phẩm được kiểm soát nghiêm ngặt bởi đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật chuyên ngành được đào tạo tiếp nhận công nghệ tại Malaysia và Singapore.

Điểm yếu:

Công ty còn tồn chi phí để bảo quản một số lượng tương đối lớn hàng tồn kho

Cơ hội

Tiềm năng to lớn của thị trường ngành nhựa và đặc biệt là bao bì phức hợp tại Việt Nam: Thị trường bao bì màng mỏng màng bánh kẹo tăng cao

Thị trường xuất khẩu được đẩy mạnh và được khách hàng Myanmar đánh giá cao về chất lượng, uy tín

Thách thức:

- Thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt
- Giá nguyên liệu chính cả hai mảng sơn và bao bì đều tăng ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu
- Bị ảnh hưởng bởi tình hình đầu tư xây dựng đường giao thông của Việt Nam còn chậm

Vị thế

Vị thế của Công ty trong ngành:

Ngày nay, trong xu thế hội nhập toàn cầu, yêu cầu mỗi doanh nghiệp phải có những bước đi riêng để chuyển mình bắt kịp với những thay đổi mang tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường, qua đó tự khẳng định vị thế của mình. Công ty Cổ phần SIVICO, là một doanh nghiệp còn rất trẻ, đã phải vượt qua những thử thách của cơ chế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt để không ngừng lớn mạnh. Đóng góp vào sự nghiệp “Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa, Tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông” của đất nước, SIVICO đang tự khẳng định vị trí của Công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam. Khách hàng chủ yếu của Công ty tại thị trường trong nước là các Công ty quản lý và sửa chữa đường đô thị, đường quốc lộ, các nhà thầu xây dựng giao thông, các công ty sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa, mỹ phẩm, thực phẩm...Ngoài ra Công ty còn tham gia vào các gói thầu dự án quan trọng về giao thông như:

QL1, QL2, QL6, Đường Hồ Chí Minh...Không những cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước, Công ty đang có kế hoạch tiếp cận một số thị trường nước ngoài như: Myanmar, Lào, Campuchia... tiến tới xuất khẩu sản phẩm. Các đặc tính vượt trội của Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang DPI so với các loại sơn khác:

- + Độ phát sáng cao vượt xa tiêu chuẩn quy định
- + Độ bền màu tốt (chỉ số vàng hóa thấp)
- + Chỉ số chống trượt cao làm tăng ma sát nâng cao khả năng an toàn đường trong mọi điều kiện thời tiết
- + Độ bám dính tuyệt vời, dễ thi công, tiết kiệm vật tư, nhiên liệu, không lắng cặn phân tầng khi gia nhiệt liên tục ở nhiệt độ cao

Triển vọng phát triển của ngành:

Trong những năm gần đây hệ thống giao thông ở Việt Nam ngày càng phát triển các dự án xây dựng đường, cầu, hầm được mở rộng để đáp ứng nhu cầu giao thông ngày một tăng. Những phương tiện an toàn tiên tiến đang được ứng dụng vào các hệ thống giao thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Những phương tiện này bao gồm các tín hiệu có thể nhận thấy được trên đường, các vật phản xạ ánh sáng, gương cầu lồi, các trụ phân cách đường, hệ thống chấn tàu hỏa, hệ thống điều khiển giao thông và sơn chỉ dẫn đang được áp dụng vào hệ thống giao thông nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm;

Liên kết với các đối tác nước ngoài hoặc mua các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm chất lượng cao hiện trong nước chưa sản xuất được

Đào tạo, nâng cao trình độ của các khâu kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm thiết kế, chế tạo các sản phẩm phù hợp với đòi hỏi của thị trường và đảm bảo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả

Với mục tiêu mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa trong sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động marketing, bao gồm:

Thực hiện cơ chế khoán doanh thu đối với hệ thống các chi nhánh nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ và phát triển thị trường. Cụ thể: thưởng trên phần doanh thu thực hiện vượt so với kế hoạch, tính theo tỷ lệ %.

Thúc đẩy bán hàng thông qua hệ thống Nhà phân phối:

Hỗ trợ các dịch vụ trong bán hàng như vận chuyển, chăm sóc hệ thống đại lý cấp dưới của Nhà phân phối.

Hỗ trợ các dịch vụ sau bán hàng: bảo hành, cung cấp tài liệu kỹ thuật, công nghệ, tư vấn đặc tính sản phẩm, cách thức phân phối, quảng cáo, quảng bá có tính chất gắn liền với Nhà phân phối.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh:

“TIN CẬY, ĐOÀN KẾT, SÁNG TẠO, LIÊN TỤC ĐỔI MỚI

Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ:

Chất lượng tạo sự khác biệt, Dịch vụ kỹ thuật tận tình

Về chính sách thị trường và bán hàng:

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến trên toàn quốc và phát triển thị trường xuất khẩu.

Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật:

Liên tục nghiên cứu phát triển và ứng dụng các nguyên liệu mới để nâng cao chất lượng cũng như tính năng mới của sản phẩm.

Khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong mỗi cá nhân, mỗi bộ phận trong Công ty.

Về chính sách đào tạo nhân lực:

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Công ty. Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo nội bộ cũng như đào tạo các khóa học chuyên sâu, nâng cao cho đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty.

Mời chuyên gia đến hướng dẫn học tập;

Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động

Các hoạt động khác:

Đối với việc bảo vệ môi trường: Thân thiện, giữ gìn, nâng niu

Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...

Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty cam đoan và chịu trách nhiệm về tính khách quan và xác thực của các thông tin trong Hồ sơ cũng các tài liệu công bố thông tin.



RỦI RO

Rủi ro về dịch Covid và chiến tranh Nga - Ukraine:

Đầu năm 2022, dịch Covid bùng phát ở Miền Bắc – trong đó Hải Phòng là một trong những địa phương gặp ảnh hưởng nặng nề vì tốc độ lây lan của dịch phủ khắp các công ty trong ngoài Khu công nghiệp. Có những thời điểm, số lao động nghỉ điều trị chiếm đến 2/3 nhân sự công ty.

Từ tháng 2/2022, chiến tranh Nga và Ukraine nổ ra ảnh hưởng đến giá xăng dầu dẫn đến giá NVL tăng cao. Tiếp đến là lạm phát, lãi suất tăng,..... gây ảnh hưởng không nhỏ đến tất cả các mặt của đời sống nói chung và kinh tế nói riêng.

Rủi ro về luật pháp:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần SIVICO chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác. Trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý, các thay đổi của luật và văn bản luật có thể tạo ra rủi ro về luật pháp. Vì thế yêu cầu đặt ra đối với Công ty là phải chú trọng nghiên cứu, cập nhật kiến thức về quá trình hội nhập cũng như môi trường pháp lý để có thể hạn chế những rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu:

Là một doanh nghiệp sản xuất, sự biến động giá cả các nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian gần đây, giá cả nguyên liệu chính có xu hướng tăng. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty Cổ phần SIVICO hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, cụ thể là sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và các nguyên vật liệu ngành bao bì và in ấn. Hóa chất nói chung là ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng như phân bón, sơn và mực in, thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa,... Ngành công nghệ sản xuất hóa chất Việt Nam đang vươn mình lớn mạnh với tỷ lệ tăng trưởng mỗi năm 12%, trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm và được ưu tiên để đáp ứng các nhu cầu cho các ngành công nghiệp khác và nền kinh tế nói chung. Là doanh nghiệp đứng đầu Việt Nam về sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang, Công ty

Cổ phần SIVICO đã góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng này.

Trong thời điểm hiện nay, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao phủ khắp lãnh thổ và đóng vai trò trực chính kết nối mạng lưới giữa các vùng, miền, các cảng hàng không, cảng biển, cửa khẩu, đầu mối giao thông quan trọng. Bên cạnh đó, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có những bước phát triển mạnh theo hướng hiện đại. Đây cũng là nền tảng khiến ngành sơn, đặc biệt là sơn vạch kẻ đường tăng mạnh. Với hơn 600 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sơn và hầu hết các hãng sơn lớn của thế giới đều xuất hiện tại Việt Nam, cuộc cạnh tranh trên thị trường giữa sơn nội và sơn ngoại luôn mạnh mẽ.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2022	TH năm 2022	TH 2022/KH 2022 (%)
Doanh thu	Triệu đồng	260,000	209,323	80%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	35,000	12,088	35%
Cổ tức	%	24%	24%	100%

Kết quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2022	CAGR
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Doanh thu thuần	Triệu đồng	194,421	195,523	181,963	175,267	209,323	2%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	149,617	143,197	131,218	132,720	167,947	3%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	44,804	5,326	50,745	42,547	41,375	-2%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	-1,609	-2,195	-2,686	-3,442	-7,228	46%
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	15,982	19,866	19,782	19,587	21,310	7%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	27,285	30,264	28,714	19,805	13,035	-17%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27,322	30,263	28,779	32,975	13,040	-17%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25,752	26,409	26,252	29,249	12,088	-17%



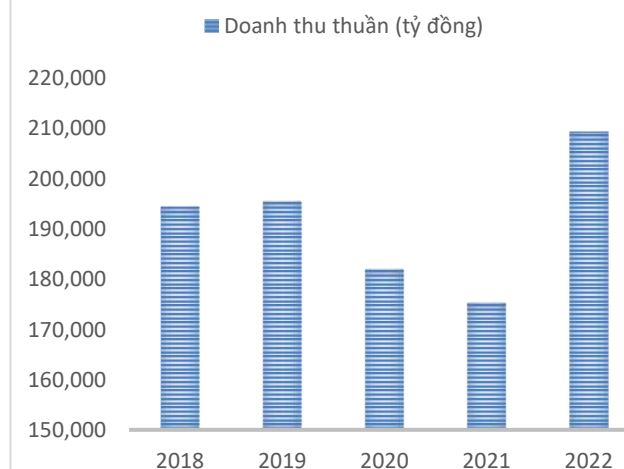
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Tiếp Theo)

Xét về doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, trung bình trong 05 năm từ 2018- 2022, doanh thu Công ty tăng 2%, đạt hơn 209 tỷ đồng trong năm 2022. Sở dĩ có sự tăng lên này là do nhu cầu của thị trường về sơn giao thông ngày một tăng. Nguyên nhân là do Quy chuẩn mới về An toàn giao thông được áp dụng, trong đó quy định rõ khi nào phải sơn duy tu và trách nhiệm của đơn vị quản lý đường so với Quy chuẩn các năm trước.

Giá vốn hàng bán của Công ty năm 2022 đạt 167,947 triệu, tăng trung bình 3% trong cả giai đoạn 2018 - 2022 do giá nguyên liệu chính cả hai mảng sơn và bao bì đều tăng ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu. Trước nhu cầu tăng cao của thị trường, giá nguyên liệu sản xuất bao bì năm 2022 cũng tăng mạnh.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh nhìn chung trong 05 năm giảm hơn 17%, dừng lại ở mức 13,035 triệu năm 2022.

DOANH THU THUẦN (TỶ ĐỒNG)



Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo dòng sản phẩm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (tr.đ)	Năm 2022 (tr.đ)	% Tăng trưởng
1	Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	174,210	207,703	19%
2	Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	1,045	1,014	-3%
3	Doanh thu khác	11.8	605.9	513%
Tổng		175,267	209,323	19%

Hai lĩnh vực trọng yếu của Công ty là bán hàng Bao bì và bán hàng Sơn, dịch vụ cho thuê mặt bằng chỉ chiếm một tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng sơn và bao bì tăng 19% so với năm 2021.



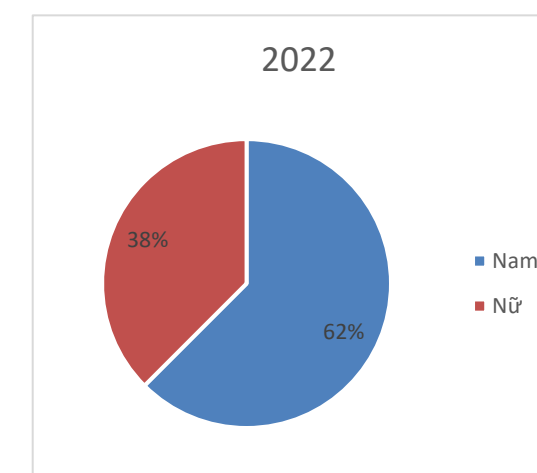
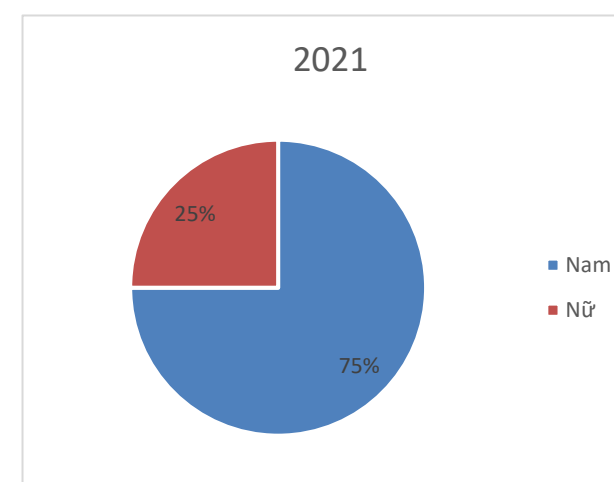


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

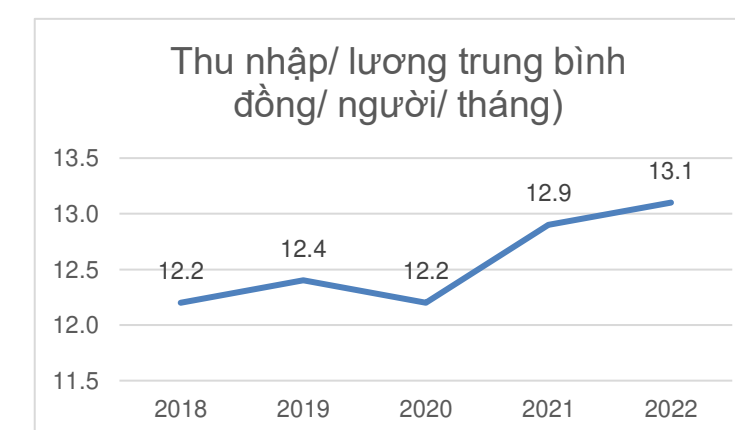
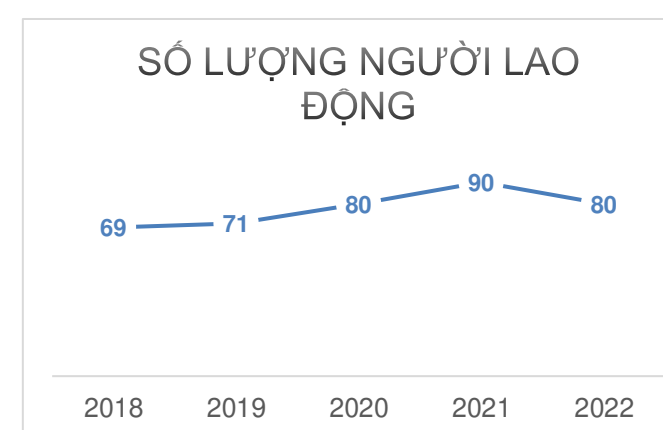
STT	Tiêu chí	Năm 2021		Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	20	22.2%	22	27.50%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	30	33,3%	16	20.00%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	10	11,2%	10	12.50%
4	Lao động phổ thông	30	33,3%	32	40.00%
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	60	66,7%	50	62.50%
2	Lao động gián tiếp	30	33,3%	30	37.50%
III	Theo giới tính				
1	Nam	75	83,3%	55	68.75%
2	Nữ	25	16,7%	25	31.25%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ				
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	11	12%	0	0.00%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	24	27%	34	42.50%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	55	61%	46	57.50%
V	Theo độ tuổi				
1	Từ 18 đến 25 tuổi	11	12%	4	5.00%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	30	33.3%	24	30.00%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	27	30%	28	35.00%
4	Trên 45	22	24%	24	30.00%
	Tổng cộng	90	100%	80	100%



Cơ cấu lao động theo giới tính



STT	Tiêu chí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Số lượng người lao động	69	71	80	90	85
2	Thu nhập/ lương trung bình (triệu đồng/ người/ tháng)	12.2	12.4	12.2	12.9	13.1





Chính sách lương: Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất công việc và trách nhiệm của người lao động, Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.



Chính sách khen thưởng: Hàng năm, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.

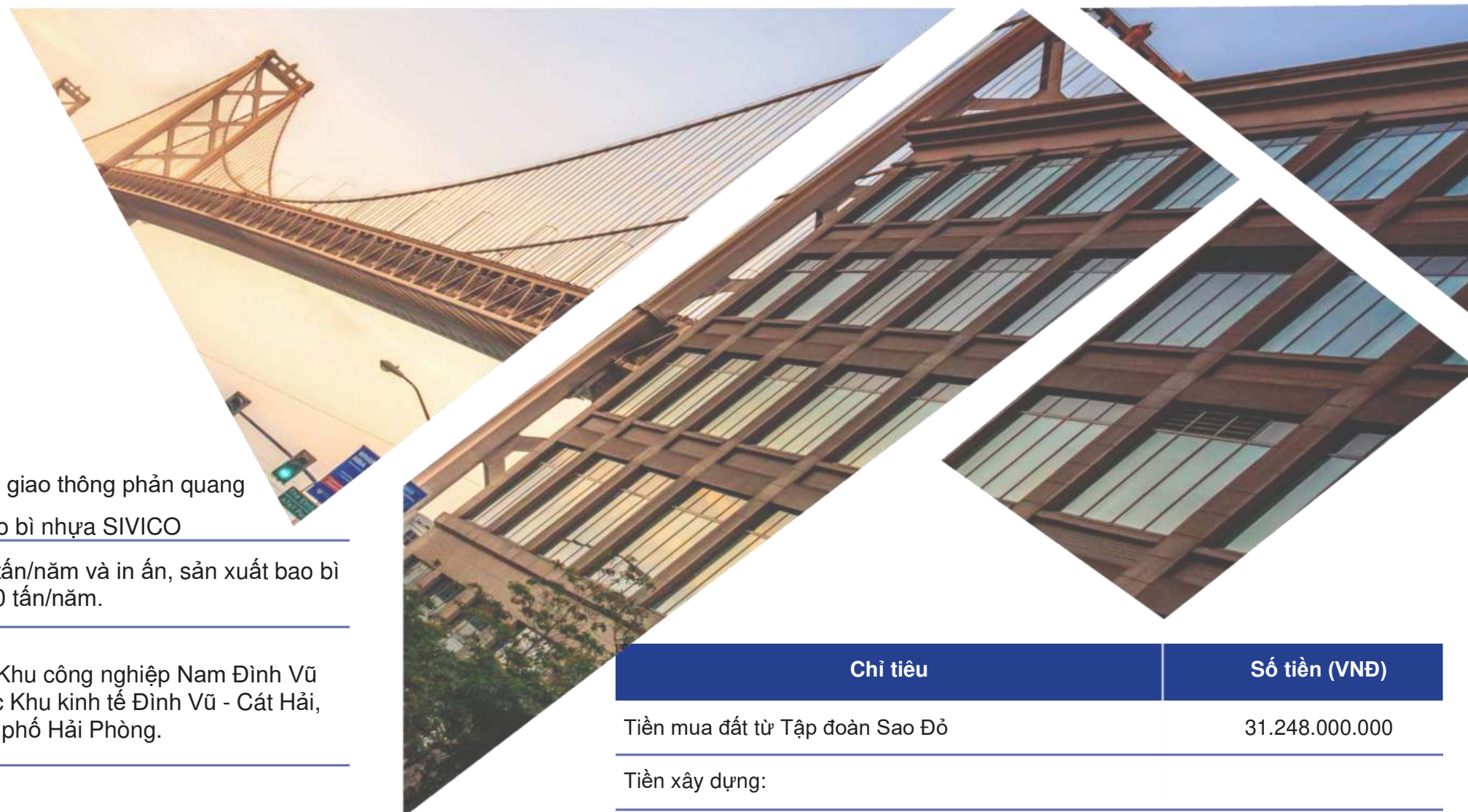


Bảo hiểm xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

ĐẦU TƯ MỞ RỘNG TẠI NAM ĐÌNH VŨ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



Tên dự án	Dự án đầu tư sản xuất Sơn giao thông phản quang và in ấn, sản xuất bao bì nhựa SIVICO
Quy mô	Sản xuất sơn giao thông: 30.000 tấn/năm và in ấn, sản xuất bao bì nhựa 6.000 tấn/năm.
Địa điểm thực hiện dự án	Lô CN2-03, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Diện tích đất dự kiến sử dụng	21.000 m ²
Tổng vốn đầu tư	198.000.000.000 đồng (một trăm chín mươi tám tỷ đồng)
Thời hạn hoạt động của dự án	41 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư
Tiến độ	Quý III/2020 đến Quý IV/2021 xây dựng giai đoạn 1, lắp đặt thiết bị, chạy thử. Quý I/2022 hoạt động chính thức

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
Tiền mua đất từ Tập đoàn Sao Đỏ	31.248.000.000
Tiền xây dựng:	
Nhà xưởng: 12.697m ²	28.725.487.014
Nhà văn phòng: 1.761m ²	8.921.441.705
Các công trình phụ trợ	7.489.703.722
Máy móc thiết bị và chi phí lắp đặt giai đoạn 1	57.434.195.843
Các chi phí khác cho dự án	1.971.758.960
Cộng quyết toán giai đoạn 1	135.790.587.244





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	314.758.793.232	305.117.356.062	-3%
Doanh thu thuần	175.267.936.680	209.323.677.211	19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.805.753.565	13.035.439.478	-34%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	289.793.720	199.012.888	-31%
Lợi nhuận trước thuế	32.975.971.024	13.040.358.766	-60%
Lợi nhuận sau thuế	29.249.991.255	12.088.507.563	-41%



Tổng tài sản năm 2022 đạt 305 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2021.

Doanh thu thuần của Công ty **tăng 19%** so với năm trước, đạt mức 209 tỷ đồng.

Công ty luôn tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm thuộc lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp. Hơn nữa, Công ty cũng tăng cường tiếp thị mảng duy tu bảo dưỡng và hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật, tập trung thúc đẩy xuất khẩu sơn đi Myanmar, Lào, Campuchia và tìm kiếm thị trường mới, tập trung phát triển khách hàng bao bì lớn cao cấp lĩnh vực bánh kẹo, chế biến thực phẩm. Mặc dù vậy, sự bùng phát của dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng mạnh tới nhu cầu tại các thị trường của doanh nghiệp.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều ở mức an toàn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 là 1.92 lần, giảm 0.12 lần so với năm trước. Điều này chứng tỏ Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng bằng các tài sản có khả năng chuyển hóa thành tiền trong vòng 12 tháng tới. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng giữ nguyên so với năm ngoái ở mức 1,18 lần vào cuối năm 2021, thể hiện Công ty vẫn đảm bảo yêu cầu khả năng đáp ứng ngay các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Sự chênh lệch giữa hai hệ số này chứng tỏ tài sản ngắn hạn của Công ty phụ thuộc khá lớn vào hàng tồn kho.

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giữ nguyên so với năm 2021.

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều có sự tăng nhẹ. Vòng quay hàng tồn kho năm nay đạt 2,69 vòng, tăng 0.67 vòng so với năm ngoái. Điều này chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty bị ứ đọng nhiều, làm tăng chi phí bảo quản hàng tồn kho của Công ty. Tuy nhiên, trong thời kỳ giá nguyên liệu liên tục tăng và khan hiếm thì việc dự trữ nguyên liệu để luôn sẵn sàng cho sản xuất và tranh thủ được giá tốt lại là một ưu điểm của doanh nghiệp.

Chỉ số ROS của Công ty giảm 65%, xuống mức 5.8%; chỉ số ROE của Công ty giảm 58%, chỉ còn 5.9%; chỉ số ROA trong năm nay cũng giảm 57% xuống 4%. Các chỉ số này sụt giảm do lợi nhuận năm 2022 bị giảm 41% vì các nguyên nhân như:

- Giá nguyên vật liệu tăng quá cao, có những loại vật liệu khan hiếm tăng 200-300% so với điều kiện bình thường.
- Lãi suất ngân hàng tăng từ 70-100% do NHNN tăng lãi suất huy động tránh tình trạng lạm phát.
- Tỷ giá USD/VNĐ tăng đột biến



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.04	1.92
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.18	1.18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0.35	0.33
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0.54	0.49
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2.14	2.69
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0.56	0.69
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	16.7%	5.8%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	14.3%	5.9%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	9.3%	4.0%





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông là tổ chức: 03 cổ đông, sở hữu 499.700 cổ phần, chiếm 16,5%.
- Cổ đông là cá nhân: 187 cổ đông, sở hữu 2.512.674 cổ phần, chiếm 83,5%.
- Cổ đông trong nước: 185 cổ đông, sở hữu 2.732.474 cổ phần, chiếm 90,8%
- Cổ đông nước ngoài: 05 cổ đông, sở hữu 279.900 cổ phần, chiếm 9,2%

Cổ phần

Vốn điều lệ: 30.123.740.000 đồng

Số cổ phiếu đang lưu hành: 3.012.374 cổ phiếu

Loại cổ phần: Tự do chuyển nhượng



Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra: 0 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư củ chủ sở hữu

Không thay đổi

STT	Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Hoà Quang Thiệp	276,562	9,18%
2	Công ty CP Sơn H P	202,500	6,72%
3	Nguyễn Văn Viện	201,562	6,69%
4	Nguyễn Thủy Nguyên	198,750	6,60%
5	Trần Bình Ân	198,750	6,60%
6	Trần Thị Lưu Ly	187,500	6,22%
7	Công ty trách nhiệm hữu hạn VICO	187,500	6,22%
8	PETER ERIC DENNIS	163,700	5,43%
9	Đinh Văn Ước	154,125	5,12%



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC





ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện (tỷ đồng)		KH 2022 (tỷ đồng)	So sánh	
	Năm 2021	Năm 2022		So với KH năm 2022	So với 2021
Doanh thu	175,26	209,323	260	80%	120%
Lợi nhuận sau thuế	29,2	12,08	35	35%	41%
Cổ tức	30%	24%	24%	100%	80%

Năm 2022 là một năm khó khăn đối với ngành sản xuất hóa chất. Về doanh thu, Công ty đạt gần 80% so với kế hoạch, tăng 20% so với năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt 35% kế hoạch và giảm 59% so với năm trước





TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Chỉ tiêu	2021		2022		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	157.158.739.172	49.9%	151.117.759.473	49.5	-4%
B. Tài sản dài hạn	157.600.054.060	50.1%	153.999.596.589	50.5	-3%
Tổng tài sản	314.758.793.232	100,00%	305.117.356.062	100%	-4%

Tổng tài sản năm 2022 đạt 305.1 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2021 do năm nay Công ty đã xây dựng xong và đi vào hoạt động chính thức nhà máy mới tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ với diện tích mặt bằng 21.000m² theo hướng tự động hóa.

Công ty luôn tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm thuộc lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp. Hơn nữa, Công ty cũng tăng cường tiếp thị mảng duy tu bảo dưỡng và hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật, tập trung thúc đẩy xuất khẩu sơn đi Myanmar, Lào, Campuchia và tìm kiếm thị trường mới. Bên cạnh đó, công tác phát triển khách hàng bao bì lớn cao cấp trong lĩnh vực bánh kẹo, chế biến thực phẩm cũng được phát huy.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	2021		2022		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	77.067.575.294	69.9%	78.807.650.951	78%	+2%
B. Nợ dài hạn	33.186.862.498	30.1%	22.117.712.500	22%	-33%
Nợ phải trả	110.254.437.792	100,00%	100.925.363.451	100,00%	-8%

T trong năm 2022, Doanh nghiệp đã tiếp tục vay vốn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và thực hiện dự án, khiến cho tỷ lệ nợ phải trả ngắn hạn của doanh nghiệp tăng 2% so với năm 2021. Tuy nhiên, nợ dài hạn đã giảm 33% do công ty đã trả được một phần nợ gốc trung hạn cho dự án xây dựng nhà máy mới tại Nam Đình Vũ.

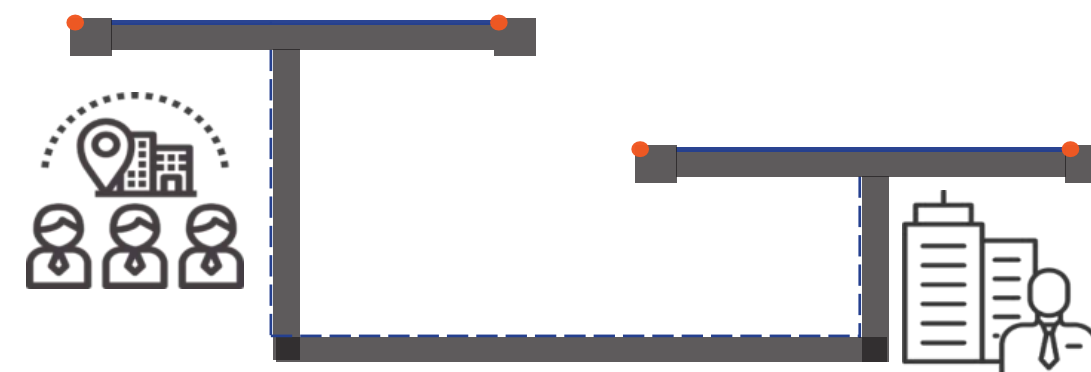


NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU LAO ĐỘNG, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về nhân sự

Tuyển dụng thêm Nhân viên kinh doanh (cử nhân kinh tế); nhân viên kỹ thuật và 10 công nhân.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý. Đào tạo nâng cao tay nghề và đào tạo định kỳ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...



PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tăng cường công tác Marketing, dịch vụ kỹ thuật, phát triển thị trường xuất khẩu.

Mở rộng thị trường bao bì màng mỏng. Ưu tiên phát triển sản phẩm yêu cầu chất lượng cao.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ quản lý, điều hành cũng như kỹ năng lao động, tinh thần trách nhiệm cao đối với mỗi thành viên Công ty

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV.



BÁO CÁO CỦA HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT CỦA CÔNG TY

Đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Đầu năm 2022, đại dịch Covid 19 bùng phát tại Miền Bắc Việt Nam và chính sách phong tỏa, giới nghiêm chống dịch ảnh hưởng toàn diện đến mọi mặt của đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước cũng như toàn cầu làm đảo lộn, đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên liệu, logistic.

Trong quý 2 và 3/2022 biên độ biến động giá nguyên liệu chính cả hai mảng sơn và bao bì lớn nằm ngoài các xu hướng quy luật hằng năm.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2022 là một năm khó khăn đối với tất cả các ngành sản xuất kinh doanh nói chung và ngành hóa chất nói riêng do ảnh hưởng của chiến tranh, tỷ giá USD/VNĐ, lãi suất,....



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm vừa qua, Công ty vẫn giữ vững và phát huy những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ về sản xuất, giữ vững ổn định về kinh doanh, mở rộng quy mô phát triển, tập trung toàn bộ năng lực có thể cả về sức lực và trí tuệ, tiền vốn để xây dựng và phát triển sản xuất kinh doanh.

Giữ vững ổn định và phát triển thị trường.

Nâng cao chất lượng sản phẩm, coi chất lượng sản phẩm là trách nhiệm đối với xã hội, mang tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển Công ty.

Đầu tư thích đáng vào sự phát triển nguồn nhân lực, yếu tố con người là quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của Công ty

Tập trung đào tạo đội ngũ đông đảo công nhân lành nghề, vận hành tốt máy móc thiết bị.

Tổ chức đội ngũ cán bộ công nhân viên-người lao động đông đảo, đoàn kết, dồi dào về kiến thức kỹ thuật, đoàn kết tâm huyết gắn bó với Công ty, lấy đó là động lực chủ yếu thúc đẩy Công ty phát triển.

Tạo dựng một môi trường hoạt động công bằng bình đẳng, khách quan, minh bạch trên tinh thần dân chủ, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể của CBCNV - người lao động; thiết lập kỷ cương trong công tác điều hành, thực hiện tốt các quy chế quản lý của Công ty, để hàng năm đạt năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế tốt và lợi nhuận tăng từ 20 – 30%, năm sau cao hơn năm trước; đưa Công ty thành doanh nghiệp có thương hiệu và văn hóa tiên tiến.

Tiếp tục kiểm tra rà soát, hoàn thiện và phát triển danh mục sản phẩm của Công ty theo định hướng tạo ra các dòng sản phẩm có hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm để hệ thống bán hàng có điều kiện phát triển doanh số trên thị trường bán hàng và đem lại động lực cho nhân sự bán hàng trong hệ thống.



BAN GIÁM ĐỐC





KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Thách thức vị trí dẫn đầu: lấy các mô hình của các công ty dẫn đầu trong ngành sơn tại Việt Nam, học tập họ những điểm mạnh, đặt ra mục tiêu và con đường để dần dần vươn lên bằng và vượt họ. Điều này liên quan đến mọi thứ (mô hình sản xuất, mô hình kinh doanh, sản phẩm, tài chính...)

Tập trung đầu tư vào những phân khúc thị trường và sản phẩm có khả năng sinh lời lớn, rủi ro tương đối thấp, chọn những sản phẩm dễ sản xuất, phổ thông, giá vừa phải, dễ sử dụng, vòng quay sản phẩm nhanh, chủ yếu bán kênh thương mại... Kèm theo việc phát triển, đầu tư vào hệ thống bán hàng, marketing.

Đầu tư nhà máy mới tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ với diện tích mặt bằng 21.000m² theo hướng tự động hóa, đồng bộ, hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn cao về bao bì thực phẩm.

Củng cố những chỗ xung yếu: Phát hiện những điểm yếu của doanh nghiệp, lên kế hoạch, tiến hành nâng dần để những điểm yếu trở thành trung bình hoặc mạnh.

Xây dựng chọn lọc theo thể mạnh: Phân tích những điểm nào, mặt nào là thể mạnh của Công ty để phát triển, tập trung nguồn lực, không phát triển những mặt không có kinh nghiệm cũng như là điểm yếu.

Tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi của Công ty là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm phục vụ lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp.

Thành lập Ban quản lý dự án, phân công nhiệm vụ trách nhiệm cụ thể tới từng thành viên Ban quản lý đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

Nâng cao năng lực con người trực tiếp sản xuất cũng như quản lý theo hướng tinh gọn, áp dụng các hệ thống quản trị tiên tiến, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của Công ty.

Chỉ tiêu kế hoạch 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2022	KH năm 2023
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	209.3	260
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12.08	25
Cổ tức	%	24	24



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	201.562	6,69%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó chủ tịch HĐQT	150.000	4,98%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	276.562	9,18%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	198.750	6,60%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	198.750	6,60%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	79.875	2,65%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	93.750	3,11%

Hoạt động của HĐQT trong năm 2022

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	4	100%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	4	100%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	2	50%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	3	75%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	4	100%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	4	100%

Các nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2022

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	BB-HĐQT/04-21	26/01/2022	Biên bản họp HĐQT Quý IV năm 2021
2	BB-HĐQT/01-22	21/04/2022	Biên bản họp HĐQT Quý I năm 2022
3	BB-HĐQT/02-22	26/07/2022	Biên bản họp HĐQT Quý II năm 2022
4	BB-HĐQT/03-22	28/10/2022	Biên bản họp HĐQT Quý III năm 2022

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp liên quan đến tình hình quản trị của Công ty.

Hội đồng quản trị tổ chức họp thường xuyên, định kỳ hàng quý do Chủ tịch HĐQT chủ trì, các cuộc họp đều có Ban kiểm soát tham dự. Thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, đề xuất giải quyết và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong SXKD, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT luôn giám sát hoạt động của Ban điều hành và phát huy mục tiêu SXKD của Công ty mà Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2022 đã thông qua

HĐQT họp thường kỳ 1 lần/quý, luôn đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như: Định hướng đầu tư, phát triển sản phẩm trung và dài hạn của Công ty

Đầu tư chiều sâu: Chỉ đạo hướng nghiên cứu sản phẩm mới, nghiên cứu nguyên liệu thay thế...

Xây dựng và quyết định bổ sung, đào tạo nguồn nhân lực cho phù hợp với tình hình phát triển SX- KD của Công ty.

Mở rộng thị trường trong cả nước: Bắc, Trung, Nam và đẩy mạnh xuất khẩu

Luôn đồng đốc Ban Kiểm soát hoạt động thường xuyên. Duy trì kiểm tra quyết toán hàng quý của Công ty.

Luôn luôn đảm bảo mục tiêu chung: Xây dựng công ty phát triển nhanh và bền vững





Thành viên ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	3.750	0,12%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	154.125	5%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	7.500	0,25%

Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4	100%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	4	100%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	4	100%

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau: Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành. Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.



Thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Cộng (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	6.000.000
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	4.800.000
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	4.200.000
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	4.200.000
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	4.200.000
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	4.200.000
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	4.200.000
Tổng cộng			31.800.000

Thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Cộng (VNĐ)
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4.200.000
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	2.400.000
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	2.400.000
Tổng Cộng			9.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan: Không có.



The background image shows a close-up of a hand holding a blue pen, pointing at a financial report. The report features a bar chart with three bars in blue, red, and yellow, and a line chart with two lines, one green and one red, showing an upward trend. The text 'BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022' is overlaid on the image in a white box with a black border.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.117.759.473	157.158.739.172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.714.943.891	6.982.205.120
1. Tiền	111	5	7.714.943.891	6.982.205.120
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.031.371.490	82.412.850.436
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	97.317.955.047	85.645.982.991
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		910.021.736	9.051.308.578
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	115.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	392.159.704	1.189.323.864
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.588.764.997)	(13.588.764.997)
III. Hàng tồn kho	140		58.359.384.959	66.374.580.745
1. Hàng tồn kho	141	9	58.359.384.959	66.374.580.745
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.059.133	1.389.102.871
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17.2	12.059.133	1.389.102.871
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.999.596.589	157.600.054.060
I. Tài sản cố định	220		102.494.193.584	12.751.041.488
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	102.494.193.584	12.751.041.488
- Nguyên giá	222		147.160.912.253	52.308.975.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.666.718.669)	(39.557.934.137)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		1.115.877.290	1.115.877.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.115.877.290)	(1.115.877.290)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	-	126.465.864.810
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	126.465.864.810
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.936.000.000	7.936.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	7.936.000.000	7.936.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		43.569.403.005	10.447.147.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	43.569.403.005	10.447.147.762
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		305.117.356.062	314.758.793.232

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

6

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.925.363.451	110.254.437.792
I. Nợ ngắn hạn	310		78.807.650.951	77.067.575.294
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	12.139.393.770	15.397.896.294
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		144.115.214	46.177.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.1	2.390.241.392	1.852.901.950
4. Phải trả người lao động	314		1.880.113.144	2.808.194.499
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	549.160.885	460.180.296
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	191.307.597	163.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	571.098.130	508.499.963
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.1	40.961.789.336	36.614.988.806
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.980.431.483	19.215.736.221
II. Nợ dài hạn	330		22.117.712.500	33.186.862.498
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.2	22.117.712.500	33.186.862.498
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		204.191.992.611	204.504.355.440
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	204.191.992.611	204.504.355.440
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	30.123.740.000	30.123.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.123.740.000	30.123.740.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	113.644.734.585	113.644.734.585
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	60.423.518.026	60.735.880.855
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.335.010.463	31.485.889.600
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.088.507.563	29.249.991.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		305.117.356.062	314.758.793.232

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán
tổng hợp

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hòa Quang Thiệp

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

7



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2022 Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	210.175.893.130	175.637.847.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	852.215.919	369.911.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	209.323.677.211	175.267.936.680
4. Giá vốn hàng bán	11	25	167.947.962.355	132.720.811.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.375.714.856	42.547.125.028
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	199.012.888	289.793.720
7. Chi phí tài chính	22	27	7.228.103.988	3.442.587.048
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.289.642.833	2.847.165.880
8. Chi phí bán hàng	25	28.1	4.713.901.347	3.386.773.831
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.2	16.597.282.931	16.201.804.304
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		13.035.439.478	19.805.753.565
11. Thu nhập khác	31	29	80.887.397	15.582.032.917
12. Chi phí khác	32	30	75.968.109	2.411.815.458
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.919.288	13.170.217.459
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.040.358.766	32.975.971.024
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	951.851.203	3.725.979.769
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.088.507.563	29.249.991.255
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	4.013	8.593

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán
tổng hợp

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2023



Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

Hòa Quang Thiệp

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2022 Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.040.358.766	32.975.971.024
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	12.201.346.202	4.969.426.825
- Các khoản dự phòng	03		-	3.793.749.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(298.201)	691.077
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(274.214.903)	(13.370.649.914)
- Chi phí lãi vay	06	27	6.289.642.833	2.847.165.880
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.256.834.697	31.216.353.892
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.151.202)	(10.665.710.628)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.015.195.786	(8.502.916.143)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.028.470.750	(457.602.095)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(33.122.255.243)	(2.053.194.350)
- Tiền lãi vay đã trả	14	27	(6.289.642.833)	(2.847.165.880)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(2.321.697.143)	(2.753.481.648)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	17.780.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.599.053.730)	(3.876.924.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.917.701.082	77.138.183
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.382.004.331)	(62.440.750.453)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		700.000.000	30.230.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		115.000.000	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		141.214.687	296.493.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.425.789.644)	(31.914.257.415)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		133.674.544.598	160.856.956.539
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(140.396.894.066)	(151.531.714.951)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22	(9.037.121.400)	(7.229.697.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.759.470.868)	2.095.543.988
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		732.440.570	(29.741.575.244)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.982.205.120	36.724.471.441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		298.201	(691.077)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	7.714.943.891	6.982.205.120

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2022.

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán
tổng hợp

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy



Hòa Quang Thiệp

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

9

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sivico, trụ sở đặt tại Lô CN2-03 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000161 ngày 28/3/2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy ngày 13/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 30.123.740.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Bán buôn sơn, vécni;
- Bán buôn sơn công nghiệp, sơn tàu biển; bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); bán buôn bao bì các loại, mực in.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty)		
Địa điểm kinh doanh số 1 Công ty Cổ phần Sivico	Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng	Kho chứa nguyên liệu thành phẩm sơn và bao bì

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản tiền gửi có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày 31/12/2022 là 23.360 VND/USD, tại ngày 31/12/2021 là 22.585 VND/USD.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng...

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (sản phẩm bao bì màng mỏng) của Công ty được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: hệ thống phần mềm 3S ERP.iMFG, phí chuyển giao công nghệ DPI và hệ thống quản lý chất lượng ISO 900-2001 đã khấu hao hết và còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm: chi phí trực in; công cụ dụng cụ xuất dùng; tiền thuê đất tại KCN Nam Đình Vũ; chi phí xây dựng bể cứu hỏa, chi phí trồng cây xanh KCN Nam Đình Vũ, thiết bị bếp, nội thất, điều hoà, cụ thể:

- Chi phí trực in phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh được xác định bằng giá trị trực in (:) tổng số cuộn bao bì sản xuất ước tính (x) số cuộn bao bì sản xuất trong năm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 24 đến 36 tháng;
- Tiền thuê đất trả một lần cho suốt thời gian thuê tại KCN Nam Đình Vũ có diện tích 21.000m², thời gian thuê từ ngày 15/11/2018 đến ngày 06/5/2059, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí xây dựng bể cứu hỏa, chi phí trồng cây xanh KCN Nam Đình Vũ, thiết bị bếp, nội thất, điều hoà được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Cuối năm, các khoản nợ phải trả không có số dư gốc ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm:

- Phí chuyển giao công nghệ DPI được ước tính dựa trên doanh thu bán sơn DPI trừ (-) chi phí đóng gói, vận chuyển, nhân (x) tỷ lệ (%) phí phải trả (1,5%);
- Thường vượt doanh số của các đại lý được ước tính dựa trên doanh thu vượt mức quy định cho từng đại lý nhân (x) tỷ lệ (%) vượt định mức được hưởng.

4.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

4.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27/4/2022.

4.17 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động:

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền cho vay; lãi chênh lệch tỷ giá và cổ tức được chia. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại phản ánh khoản giảm giá niêm yết cho người mua với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

4.21 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, hàng hóa của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí hoa hồng, môi giới; chi phí đóng gói, vận chuyển; chi phí quà tặng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.22 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1117/CT-TT&HT ngày 07/8/2015 của Cục Thuế Hải Phòng, Công ty được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, Công ty được miễn thuế bốn (04) năm (từ năm 2022 đến hết năm 2025), giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2026 đến hết năm 2034).

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.23 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.24 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 11, 16, 22, 24, 37.

5. TIỀN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	390.757.042	860.419.277
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.324.186.849	6.121.785.843
Cộng	7.714.943.891	6.982.205.120

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	97.317.955.047	85.645.982.991
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	28.527.300.838	28.859.415.358
Công ty TNHH Thăng Long L.T	16.433.104.456	16.029.138.456
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Tân Thành An	12.094.196.382	12.830.276.902
Các khoản phải thu của khách hàng khác	68.790.654.209	56.786.567.633
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH Vico	2.619.648.901	3.382.469.589
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	2.752.599.115	3.749.223.629
Công ty Cổ phần Vilaco	232.947.553	74.983.888
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	-	1.958.880.000
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	166.993.920	188.119.500

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	392.159.704	-	1.189.323.864	-
Phải thu về cổ tức được chia	172.500.000	-	115.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.657.895	-	979.138.273	-
Phải thu cơ quan bảo hiểm	23.816.218	-	-	-
Phải thu khác	95.185.591	-	95.185.591	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ngắn hạn		
Tại ngày 01/01	(13.588.764.997)	(9.795.015.997)
Trích lập dự phòng	-	(3.793.749.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Tại ngày 31/12	(13.588.764.997)	(13.588.764.997)
Trong đó:		
- Phải thu của khách hàng	(13.588.764.997)	(13.588.764.997)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	44.094.444.751	-	46.583.410.566	-
Công cụ, dụng cụ	4.594.694.817	-	4.380.495.968	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	939.698.913	-	1.770.950.638	-
Thành phẩm	8.677.447.387	-	13.586.624.482	-
Hàng hóa	53.099.091	-	53.099.091	-
Cộng	58.359.384.959	-	66.374.580.745	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dài hạn	43.569.403.005	10.447.147.762
Trục in xuất dùng	11.934.699.856	10.447.147.762
Công cụ, dụng cụ	112.261.420	-
Tiền thuê đất	30.411.000.000	-
Chi phí xây dựng bể cứu hỏa	190.933.759	-
Cây xanh	168.206.666	-
Các khoản khác	752.301.304	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	7.936.000.000	-	7.936.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	832.290	7.936.000.000	832.290	7.936.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hòa chất A Châu	358.316	3.375.000.000	358.316	3.375.000.000
Đầu tư gián tiếp vào các công ty qua Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC:	473.974	4.561.000.000	473.974	4.561.000.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì VLC	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hòa chất A Châu	358.974	3.411.000.000	358.974	3.411.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

12. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	14.069.425.314	480.660.317	14.069.425.314	480.660.317
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn đầu tư xây dựng công trình số 9	657.763.750	197.329.125	657.763.750	197.329.125
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	657.763.750	197.329.125	657.763.750	197.329.125
- DNTN Phương Ngọc	263.775.273	-	263.775.273	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	263.775.273	-	263.775.273	-
- Xí nghiệp Xây lắp Trường Sơn	195.050.360	-	195.050.360	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	195.050.360	-	195.050.360	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 122 Vĩnh Thịnh	773.418.800	-	773.418.800	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	773.418.800	-	773.418.800	-
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Tân Thành An	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH Kaiyang Việt Nam	814.079.200	-	814.079.200	-
Thời gian quá hạn: trên 02 năm đến 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	-	-	814.079.200	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	814.079.200	-	1.365.337.931	283.331.192
- Các đối tượng khác				

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tại 01/01/2022	3.549.572.554	38.508.895.195	9.156.627.876	-	1.093.880.000	52.308.975.625
Tăng trong năm	45.136.632.441	45.593.768.382	12.099.361.977	161.112.530	1.356.122.752	104.346.998.082
Mua sắm	-	45.593.768.382	12.099.361.977	161.112.530	1.356.122.752	59.210.365.641
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	45.136.632.441	-	-	-	-	45.136.632.441
Giảm trong năm	-	9.333.156.692	161.904.762	-	-	9.495.061.454
Thanh lý, nhượng bán	-	9.333.156.692	161.904.762	-	-	9.495.061.454
Tại 31/12/2022	48.686.204.995	74.769.506.885	21.094.085.091	161.112.530	2.450.002.752	147.160.912.253
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2022	3.549.572.554	28.650.149.888	6.838.618.676	-	519.593.019	39.557.934.137
Tăng trong năm	1.879.039.608	8.139.297.017	1.884.620.562	19.485.675	278.903.340	12.201.346.202
Khấu hao trong năm	1.879.039.608	8.139.297.017	1.884.620.562	19.485.675	278.903.340	12.201.346.202
Giảm trong năm	-	6.930.656.908	161.904.762	-	-	7.092.561.670
Thanh lý, nhượng bán	-	6.930.656.908	161.904.762	-	-	7.092.561.670
Tại 31/12/2022	5.428.612.162	29.858.789.997	8.561.334.476	19.485.675	798.496.359	44.666.718.669
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2022	-	9.858.745.307	2.318.009.200	-	574.286.981	12.751.041.488
Tại 31/12/2022	43.257.592.833	44.910.716.888	12.532.750.615	141.626.855	1.651.506.393	102.494.193.584

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 17.310.471.631 VND (tại ngày 31/12/2021 là 18.027.798.000 VND).

Công ty đã thể chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 95.532.513.928 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.511.360.179 VND) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐCVDĐT/NHCT168-SIVICO ngày 03/11/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phí chuyển giao công nghệ DPI	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống ISO 9000-2001	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2022	761.100.000	299.765.000	55.012.290	1.115.877.290
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại 31/12/2022	761.100.000	299.765.000	55.012.290	1.115.877.290
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2022	761.100.000	299.765.000	55.012.290	1.115.877.290
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại 31/12/2022	761.100.000	299.765.000	55.012.290	1.115.877.290
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2022	-	-	-	-
Tại 31/12/2022	-	-	-	-

Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết và còn sử dụng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tại ngày 01 tháng 01	126.465.864.810	54.192.126.254
Tăng trong năm	9.396.033.911	72.273.738.556
Xây dựng cơ bản	9.396.033.911	72.273.738.556
Giảm trong năm	135.861.898.721	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	102.570.828.286	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	71.311.475	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước	33.219.758.960	-
Cộng	-	126.465.864.810

Trong năm Công ty kết chuyển sang tài sản cố định đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án Đầu tư sản xuất sơn giao thông phản quang và in ấn, sản xuất bao bì nhựa Sivico theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3218252126 cấp lần đầu ngày 15/11/2018 và sửa đổi lần thứ hai ngày 31/5/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

- Tên dự án: Đầu tư sản xuất sơn giao thông phản quang và in ấn, sản xuất bao bì nhựa Sivico.
- Quy mô: Sản xuất sơn giao thông: 30.000 tấn/năm và in ấn, sản xuất bao bì nhựa: 6.000 tấn/năm.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN2-03, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 21.000m².
- Tổng vốn đầu tư: 198.000.000.000 VND (một trăm chín mươi tám tỷ đồng).
- Thời hạn hoạt động của dự án: 41 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư.
- Thời gian đi vào hoạt động chính thức: Tháng 1/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	12.139.393.770	12.139.393.770	15.397.896.294	15.397.896.294
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	4.924.051.464	4.924.051.464	3.175.353.978	3.175.353.978
Công ty Cổ phần Vật liệu Bao bì nhựa Ifc Vina	1.769.377.244	1.769.377.244	1.599.086.957	1.599.086.957
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam	1.583.782.200	1.583.782.200	-	-
Công ty Cổ phần Mực in Á Châu	1.570.892.020	1.570.892.020	1.576.267.021	1.576.267.021
Phải trả cho các đối tượng khác	7.215.342.306	7.215.342.306	12.222.542.316	12.222.542.316
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	181.830.000	181.830.000	10.708.500	10.708.500

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	(1.137.304.972)	11.366.383.105	8.283.462.046	1.945.616.087
Thuế xuất, nhập khẩu	(239.738.766)	521.882.574	282.143.808	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.795.816.371	951.851.203	2.321.697.143	425.970.431
Thuế thu nhập cá nhân	57.085.579	887.433.553	925.864.258	18.654.874
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	380.948.500	380.948.500	-
Các loại thuế khác	(12.059.133)	45.570.976	45.570.976	(12.059.133)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.554.257	4.554.257	-
Cộng	463.799.079	14.158.624.168	12.244.240.988	2.378.182.259
Trong đó:				
17.1 Phải nộp	1.852.901.950			2.390.241.392
17.2 Phải thu	1.389.102.871			12.059.133

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	549.160.885	460.180.296
Phí chuyển giao công nghệ	386.372.719	243.875.265
Thưởng vượt doanh số của đại lý	162.788.166	216.305.031

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	191.307.597	163.000.000
Doanh thu nhận trước về cho thuê nhà xưởng	172.000.000	163.000.000
Doanh thu nhận trước về cho thuê lắp trạm viễn thông	19.307.597	-

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	571.098.130	508.499.963
Kinh phí công đoàn	344.217.130	281.618.963
Nhận ký cược, ký quỹ	226.881.000	226.881.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
21.1 Ngắn hạn	40.961.789.336	36.614.988.806			
Các khoản vay	40.961.789.336	36.614.988.806			
21.2 Dài hạn	22.117.712.500	33.186.862.498			
Các khoản vay	22.117.712.500	33.186.862.498			
a. Các khoản vay	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	Trong năm VND	31/12/2022 VND	Giá trị Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn					
- Vay ngắn hạn [1]					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -	17.974.040.972	17.974.040.972	Tăng	95.403.413.058	12.539.650.208
Chi nhánh Ngô Quyền				100.837.803.822	12.539.650.208
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -	3.809.403.305	3.809.403.305		3.809.403.305	-
Chi nhánh Hải Dương				-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -	3.769.257.029	3.769.257.029		24.680.536.941	17.359.851.628
Chi nhánh Nam Hải Phòng				38.271.131.540	17.359.851.628
- Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -	11.062.287.500	11.062.287.500		11.062.287.500	11.062.287.500
Chi nhánh Ngô Quyền [2]				11.062.287.500	11.062.287.500
Vay dài hạn	33.186.862.498	33.186.862.498			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -	33.186.862.498	33.186.862.498			
Chi nhánh Ngô Quyền [2]					

[1] Các khoản vay ngắn hạn được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo lãi vay của các Ngân hàng. Mục đích vay để sử dụng cho việc mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

[2] Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐCVĐAT/NHCT168-SIVICO ngày 03/11/2020:

Hạn mức tín dụng	: 75.000.000.000 VND
Số tiền vay	: 44.249.149.998 VND
Mục đích vay	: Thanh toán các chi phí để thực hiện Dự án Sản xuất sơn giao thông phản quang và in ấn, sản xuất bao bì nhựa Sivico
Thời hạn vay	: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Thời gian trả nợ gốc	: Thanh toán theo lịch trả nợ bên cho vay lập
Lãi suất	: 8,3%/năm
Tài sản bảo đảm	: Toàn bộ nhà xưởng, nhà văn phòng, các hạng mục công trình gắn với quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải
Số dư vay tại 31/12/2022	: 33.180.000.000 VND
Số phải trả trong năm 2023	: 11.062.287.500 VND

b. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Đơn vị tính: VND				
Tại ngày 31/12				
Các khoản vay	33.180.000.000	11.062.287.500	22.117.712.500	-
Vay dài hạn ngân hàng	33.180.000.000	11.062.287.500	22.117.712.500	-
Cộng	33.180.000.000	11.062.287.500	22.117.712.500	-
Tại ngày 01/01				
Các khoản vay	44.249.149.998	11.062.287.500	33.186.862.498	-
Vay dài hạn ngân hàng	44.249.149.998	11.062.287.500	33.186.862.498	-
Cộng	44.249.149.998	11.062.287.500	33.186.862.498	-

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Đơn vị tính: VND				
Số đầu năm trước	30.123.740.000	113.644.734.585	41.734.676.101	185.503.150.686
Tăng trong năm trước	-	-	29.249.991.255	29.249.991.255
Lãi trong năm	-	-	29.249.991.255	29.249.991.255
Giảm trong năm trước	-	-	10.248.786.501	10.248.786.501
Phân phối lợi nhuận	-	-	10.248.786.501	10.248.786.501
Số đầu năm nay	30.123.740.000	113.644.734.585	60.735.880.855	204.504.355.440
Tăng trong năm nay	-	-	12.088.507.563	12.088.507.563
Lãi trong năm	-	-	12.088.507.563	12.088.507.563
Giảm trong năm nay	-	-	12.400.870.392	12.400.870.392
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.400.870.392	12.400.870.392
Số cuối năm nay	30.123.740.000	113.644.734.585	60.423.518.026	204.191.992.611

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng
Ông Hòa Quang Thiệp	2.765.620.000	2.765.620.000	2.765.620.000	2.765.620.000
Công ty CP Sơn Hải Phòng	2.025.000.000	2.025.000.000	2.025.000.000	2.025.000.000
Ông Nguyễn Văn Viện	2.015.620.000	2.015.620.000	2.015.620.000	2.015.620.000
Ông Nguyễn Thủy Nguyên	1.987.500.000	1.987.500.000	1.987.500.000	1.987.500.000
Ông Trần Bình Ân	1.987.500.000	1.987.500.000	1.987.500.000	1.987.500.000
Công ty TNHH Vico	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000
Bà Trần Thị Lưu Ly	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000
Ông Đinh Văn Ước	1.541.250.000	1.541.250.000	1.541.250.000	1.541.250.000
PETER ERIC DENNIS	1.637.000.000	1.637.000.000	1.637.000.000	1.637.000.000
Các cổ đông khác	12.414.250.000	12.414.250.000	12.414.250.000	12.414.250.000
Cộng	30.123.740.000	30.123.740.000	30.123.740.000	30.123.740.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tại ngày 01/01	60.735.880.855	41.734.676.101
Tăng trong năm	12.088.507.563	29.249.991.255
Lãi trong năm	12.088.507.563	29.249.991.255
Giảm trong năm	12.400.870.392	10.248.786.501
Chia cổ tức bằng tiền	9.037.121.400	7.229.697.600
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.363.748.992	3.019.088.901
Tại ngày 31/12	60.423.518.026	60.735.880.855

CỔ PHIẾU

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.012.374	3.012.374
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.012.374	3.012.374
Cổ phiếu phổ thông	3.012.374	3.012.374
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.012.374	3.012.374
Cổ phiếu phổ thông	3.012.374	3.012.374
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	1.010,85	1.373,91

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

24. DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.175.893.130	175.637.847.984
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	208.605.107.974	173.942.718.376
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	1.014.000.000	1.045.133.898
Doanh thu khác	556.785.156	649.995.710
Các khoản giảm trừ doanh thu	852.215.919	369.911.304
Chiết khấu thương mại	852.215.919	369.911.304
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	209.323.677.211	175.267.936.680
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vico	15.394.477.566	17.541.915.937
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	37.200.000	1.780.800.000
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	5.040.509.697	7.519.806.959
Công ty Cổ phần Vilaco	757.725.750	595.924.538
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	485.214.709	263.198.073

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán	167.947.962.355	132.720.811.652
Cộng	167.947.962.355	132.720.811.652

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.214.687	171.681.805
Cổ tức được chia	172.500.000	115.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	298.201	3.111.915
Cộng	199.012.888	289.793.720

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	6.289.642.833	2.847.165.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá	938.461.155	595.421.168
Cộng	7.228.103.988	3.442.587.048

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
28.1 Chi phí bán hàng	4.713.901.347	3.386.773.831
Phí chuyển giao công nghệ	598.206.993	355.430.798
Chi phí vận chuyển	2.978.897.752	2.498.522.383
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.136.796.602	532.820.650
28.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.597.282.931	16.201.804.304
Chi phí nhân viên	10.193.949.439	8.668.065.133
Chi phí khấu hao	2.175.678.286	671.451.107
Thuế, phí, lệ phí	661.674.617	739.439.993
Chi phí dự phòng	-	3.793.749.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.565.980.589	2.329.099.071

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.478.000.000	27.818.185.164
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(2.402.499.784)	(14.734.217.083)
Giá trị thu hồi từ thanh lý tài sản dài hạn khác	-	2.411.814.836
Xử lý công nợ	-	86.250.000
Các khoản khác	5.387.181	-
Cộng	80.887.397	15.582.032.917

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá trị còn lại của tài sản dài hạn khác thanh lý	-	2.411.814.808
Các khoản bị phạt	4.657.091	-
Các khoản khác	71.311.018	650
Cộng	75.968.109	2.411.815.458

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.999.081.478	118.913.770.304
Chi phí nhân công	15.017.728.412	14.067.639.020
Chi phí khấu hao	12.201.346.202	4.969.426.825
Chi phí khác	14.476.572.902	16.221.140.943
Cộng	180.694.728.994	154.171.977.092



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	13.040.358.766	32.975.971.024
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	618.917.091	614.260.000
Thù lao của Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	478.800.000	478.800.000
Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ đồng	135.460.000	135.460.000
Chi phí khác không được trừ	4.657.091	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	172.500.000	115.000.000
Cổ tức được chia	172.500.000	115.000.000
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	13.486.775.857	33.475.231.024
Lợi nhuận được miễn, giảm thuế (5)	8.727.519.842	13.722.179.631
Lợi nhuận không được giảm thuế (6)	4.759.256.015	19.753.051.393
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (7)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (8)=(4)*(7)	2.697.355.171	6.695.046.205
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 (9)	-	1.596.848.473
Thuế TNDN được miễn, giảm (10)	1.745.503.968	1.372.217.963
Chi phí thuế TNDN hiện hành (11)=(8)-(9)-(10)	951.851.203	3.725.979.769

(4): Tổng lợi nhuận tính thuế năm 2022 là 13.486.775.857 VND, trong đó: lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính là 8.727.519.842 VND, lợi nhuận từ hoạt động khác 4.759.256.015 VND.

Xác định lợi nhuận được ưu đãi do đầu tư mở rộng theo tỷ lệ nguyên giá tài sản cố định tăng thêm của dự án so với tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp tại 31/12/2022 như sau:

	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của dự án đầu tư mở rộng [1]	104.346.998.082
Nguyên giá tài sản cố định vô hình của dự án đầu tư mở rộng [2]	-
Tổng nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2022 [3]	148.276.789.543
Tỷ trọng [4]=([1]+[2])/[3]	70%
Tổng lợi nhuận tính thuế [5]	13.486.775.857
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính [6]	12.467.885.489
Lợi nhuận do đầu tư mở rộng [7]=[4]*[6]	8.727.519.842
Lợi nhuận không được ưu đãi thuế [8]=[5]-[7]	4.759.256.015

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	12.088.507.563	29.249.991.255
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	3.363.748.992
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	12.088.507.563	25.886.242.263
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.012.374	3.012.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	4.013	8.593

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2021 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27/4/2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mã số 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác bao gồm khoản trả trước cho người bán để mua sắm, xây dựng TSCĐ trong năm sau là 168.210.000 VND và khoản trả cho người bán trong năm 2022 để mua sắm, xây dựng TSCĐ năm trước là 2.813.886.953 VND; không bao gồm khoản trả trước cho người bán trong năm trước để mua sắm, xây dựng TSCĐ là 697.383.886 VND và khoản chưa thanh toán cho người bán để mua sắm, xây dựng TSCĐ là 1.074.912.443 VND.

Mã số 22 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm khoản chưa thu được tiền là 1.778.000.000 VND.

Mã số 33 - Tiền thu từ đi vay và Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm khoản phân loại từ dài hạn sang ngắn hạn, số tiền 11.062.287.500 VND.

35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2022 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.23.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

	Giá trị ghi sổ 31/12/2022 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	7.714.943.891	6.982.205.120
Phải thu của khách hàng	83.729.190.050	72.057.217.994
Phải thu về cho vay	-	115.000.000
Phải thu khác	273.157.895	1.094.138.273
Cộng	91.717.291.836	80.248.561.387
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	12.139.393.770	15.397.896.294
Chi phí phải trả	549.160.885	460.180.296
Phải trả khác	226.881.000	226.881.000
Vay và nợ thuê tài chính	63.079.501.836	69.801.851.304
Cộng	75.994.937.491	85.886.808.894

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì phần lớn các giao dịch bằng VND.

- *Rủi ro lãi suất*

Lãi suất của các khoản vay thay đổi theo biến động lãi suất của ngân hàng tại từng thời kỳ. Do vậy, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu của khách hàng.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính quá hạn		
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	814.079.200
Quá hạn từ 03 năm trở lên	14.069.425.314	13.255.346.114
Cộng	14.069.425.314	14.069.425.314

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 01 năm VND	Trên 01 năm VND
Tại 31/12/2022		
Phải trả người bán	12.139.393.770	-
Chi phí phải trả	549.160.885	-
Phải trả khác	226.881.000	-
Vay và nợ thuê tài chính	40.961.789.336	22.117.712.500
Cộng	53.877.224.991	22.117.712.500
Tại 01/01/2022		
Phải trả người bán	15.397.896.294	-
Chi phí phải trả	460.180.296	-
Phải trả khác	226.881.000	-
Vay và nợ thuê tài chính	36.614.988.806	33.186.862.498
Cộng	52.699.946.396	33.186.862.498



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

• Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

37. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Đóng góp kinh phí thương hiệu Tập đoàn		99.408.342	99.408.342
Cổ tức được chia		172.500.000	-
Nhận cổ tức bằng tiền		115.000.000	-
Thu tiền cho vay		115.000.000	-
Kinh phí công đoàn		47.504.000	56.762.000
Nộp kinh phí công đoàn		10.556.400	-
Chuyển tiền ủng hộ miền Trung		7.850.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		6.114.504	50.861.093
Trả tiền hàng		6.114.504	50.861.093
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		40.920.000	1.958.880.000
Thu tiền hàng		1.999.800.000	-
Chia cổ tức		607.500.000	486.000.000
Trả cổ tức bằng tiền		607.500.000	486.000.000
Cho vay		-	10.000.000.000
Thu tiền cho vay		-	10.000.000.000
Lãi cho vay nhận được		-	138.305.385
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vico	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		16.663.463.077	19.296.107.541
Thu tiền hàng		17.082.522.119	21.309.874.543
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		343.761.646	91.935.436
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		343.761.646	91.935.436
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		524.815.886	289.517.880
Thu tiền hàng		497.357.578	100.863.780
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		48.583.888	534.600
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		48.583.888	534.600
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		5.457.402.278	8.271.787.660
Thu tiền hàng		6.356.126.302	7.833.569.450
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		97.900.490	206.567.060
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		97.900.490	206.567.060
Công ty Cổ phần Vilaco	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		819.914.476	655.516.994
Thu tiền hàng		654.852.508	906.428.366

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		7.098.304	-
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		7.098.304	12.626.658
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		1.916.890.250	1.488.676.750
Trả tiền hàng		1.745.768.750	2.144.429.210

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	189.069.794	177.443.328
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	151.255.835	141.954.663
Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	128.566.529	120.815.553
Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	128.566.529	120.815.553
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	128.566.529	120.815.553
Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	128.566.529	120.815.553
Ông Hòa Quang Thiệp	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.418.570.647	1.432.096.106
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc kinh doanh kiêm thành viên BKS	629.649.745	650.295.267
Ông Phạm Thanh Tùng	Giám đốc sản xuất	583.705.526	559.515.933
Bà Dương Thị Thanh Thuỷ	Giám đốc tài chính	528.206.809	514.708.718
Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng ban kiểm soát	90.743.265	86.867.776
Ông Đinh Văn Ước	Thành viên ban kiểm soát	50.951.632	49.013.888
Cộng		4.156.419.369	4.095.157.891

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 04 bộ phận hoạt động: sơn, bao bì, cho thuê tài sản và bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 04 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 04 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận sơn: sản xuất và phân phối sơn;
- Bộ phận bao bì: sản xuất và phân phối bao bì;
- Bộ phận cho thuê tài sản: cho thuê mặt bằng sân bãi, xưởng, văn phòng;
- Bộ phận khác: bán hàng hóa, sản phẩm nhựa cứng, dịch vụ và các loại khác không phải là các bộ phận nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2022

	SỐN	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản					
Tài sản bộ phận	99.417.194.331	119.272.497.674	-	-	218.689.692.005
Tài sản không phân bổ					86.427.664.057
Cộng					305.117.356.062
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	817.758.586	1.124.869.772	-	-	1.942.628.358
Nợ phải trả không phân bổ					98.982.735.093
Cộng					100.925.363.451

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

	SỐN	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	118.036.284.156	89.667.421.861	1.014.000.000	605.971.194	209.323.677.211
Giá vốn hàng bán					167.947.962.355
Chi phí không phân bổ					21.311.184.278
Doanh thu hoạt động tài chính					199.012.888
Chi phí tài chính					7.228.103.988
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13.035.439.478
Lãi (lỗ) khác					4.919.288
Lợi nhuận trước thuế					13.040.358.766
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					951.851.203
Lợi nhuận sau thuế					12.088.507.563

Giá vốn, chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2021

	SỐN	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản					
Tài sản bộ phận	108.293.058.767	74.790.465.995	-	-	183.083.524.762
Tài sản không phân bổ					131.675.268.470
Cộng					314.758.793.232
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	4.179.016.111	10.715.694.369	-	-	14.894.710.480
Nợ phải trả không phân bổ					95.359.727.312
Cộng					110.254.437.792

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

	SỐN	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	100.149.832.81 ³	74.061.169.969	1.045.133.898	11.800.000	175.267.936.680
Giá vốn hàng bán					132.720.811.652
Chi phí không phân bổ					19.588.578.135
Doanh thu hoạt động tài chính					289.793.720
Chi phí tài chính					3.442.587.048
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					19.805.753.565
Lãi (lỗ) khác					13.170.217.459
Lợi nhuận trước thuế					32.975.971.024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					3.725.979.769
Lợi nhuận sau thuế					29.249.991.255

Giá vốn, chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Thành phố Hải Phòng, Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu năm hiện hành.

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán
tổng hợp

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy



Hòa Quang Thiệp

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hòa Quang Thiệp